

Phụ lục I
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÁC PHÒNG
THUỘC VĂN PHÒNG UBND TỈNH

(Kèm theo văn bản số: /VPUBND-TCHC ngày tháng năm 2022 của Văn phòng
UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Thang điểm	Cơ quan, tổ chức tự chấm điểm	Hội đồng đánh giá chấm điểm	Văn bản kiểm chứng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Kết quả xây dựng các văn bản để triển khai thực hiện nhiệm vụ	10				
1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện các đề án, dự án, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực do Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh hoặc cơ quan cấp trên giao	2				
2	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch công tác năm theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan)	2				
3	Xây dựng Kế hoạch về công tác cải cách hành chính	1				
4	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số	1				
5	Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế hàng năm của cơ quan, đơn vị	1				
6	Xây dựng Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra	1				
7	Triển khai các nhiệm vụ phát sinh được cấp có thẩm quyền giao	2				
	<i>Mỗi nội dung chậm, muộn hoặc có nội dung triển khai không đảm bảo yêu cầu bị cơ quan có thẩm quyền phê bình, trừ 01 điểm; có từ 02 nội dung trở lên bị phê bình chấm điểm 0</i>					
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ	60				
1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	40				

a	Tiến độ, kết quả tham mưu thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo, điều hành (trên hệ thống quản lý văn bản điều hành) của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (đối với các sở, ngành), Huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện (đối với các cơ quan chuyên môn cấp huyện), sở, ban, ngành (đối với các Chi cục) hoặc cấp có thẩm quyền giao	10				
	<i>- Hoàn thành đúng tiến độ từ 95% - 100% các nhiệm vụ theo chỉ đạo, điều hành, chấm 10 điểm</i>					
	<i>- Hoàn thành dưới 95%: mỗi mức giảm 5% trừ thêm 01 điểm</i>					
	<u>Ghi chú:</u> đối với những cơ quan, đơn vị trong năm không có nhiệm vụ được giao trên hệ thống chỉ đạo, điều hành được chấm tối đa tiêu chí này					
b	Chất lượng văn bản tham mưu do cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành	5				
	<i>Mỗi văn bản sau khi ban hành phải đính chính: Trừ 01 điểm/01 văn bản; phải sửa đổi, thu hồi, bãi bỏ do có nội dung trái quy định: Trừ 02 điểm/văn bản, nếu có từ 03 văn bản trở lên phải thu hồi, bãi bỏ chấm điểm 0 (không).</i>					
c	Tiến độ, kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chuyên môn đặt ra trong năm (nhiệm vụ thường xuyên)	10				
	<i>Nếu hoàn thành 100% các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra: Chấm 10 điểm; hoàn thành từ 95% đến dưới 100%: Chấm 09 điểm; hoàn thành từ 90% đến dưới 95%: Chấm 08 điểm; hoàn thành từ 85% đến dưới 90%: Chấm 07 điểm; hoàn thành từ 80% đến dưới 85%: chấm 05 điểm; hoàn thành dưới 80%: Chấm điểm 0.</i>					
d	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được giao trong năm (nhiệm vụ phát sinh, đột xuất được cấp có thẩm quyền giao)	5				

	<i>Nếu hoàn thành 100% các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra: Chấm 05 điểm; hoàn thành từ 95% đến dưới 100%: Chấm 04 điểm; hoàn thành từ 90% đến dưới 95%: Chấm 03 điểm; hoàn thành từ 85% đến dưới 90%: Chấm 02 điểm; hoàn thành dưới 85%: Chấm điểm 0.</i>					
đ	Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ	5				
	<i>Mỗi nhiệm vụ không phối hợp chặt chẽ dẫn đến chậm muộn, bị cấp có thẩm quyền phê bình, trừ 01 điểm</i>					
e	Tham mưu xây dựng báo cáo, thống kê định kỳ, chuyên đề được giao bảo đảm tiến độ thời gian, chất lượng theo yêu cầu	5				
	<i>Mỗi một báo cáo tham mưu chậm, muộn bị cơ quan cấp trên nhắc nhở, phê bình, trừ 01 điểm</i>					
2	Kết quả thực hiện Cải cách hành chính (CCHC) năm đánh giá	8				
a	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) do đơn vị tiếp nhận trong năm giải quyết đúng hạn	3				
	<i>- Từ 95% đến 100% hồ sơ TTHC trong năm giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá tính theo công thức: $3 * \text{tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} / 100\%$</i>					
	<i>- Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm giải quyết đúng hạn (chấm điểm 0)</i>					
	Ghi chú: Đối với những cơ quan, đơn vị không có TTHC thì chấm điểm các mục ban hành các Quy chế làm việc, quy định chức năng, nhiệm vụ các tổ chức; sắp xếp bố trí công chức, số lượng cấp phó, công tác thi đua, khen thưởng, chế độ chính sách khác để chấm điểm					
b	<i>Kết quả chỉ số CCHC</i>					
	<i>- Đạt từ 90 điểm trở lên</i>	5				
	<i>- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm</i>	4				
	<i>- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm</i>	3				

	- Đạt dưới 70 điểm	2				
	<u>Ghi chú:</u> đối với các đơn vị không thuộc đối tượng chấm điểm chỉ số CCHC, Hội đồng đánh giá, xếp loại căn cứ trên cơ sở việc triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo về CCHC để chấm điểm theo 4 mức (tốt, khá, trung bình, yếu) tương ứng với 4 mức điểm nêu trên.					
3	Kết quả chuyển đổi số năm đánh giá	7				
a	Tỷ lệ văn bản đến và đi được xử lý qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh Lào Cai	2				
	<i>Xử lý kịp thời văn bản đến và đi trong năm trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành, từ 90% trở lên: Chấm 02 điểm; từ 80% đến dưới 90%: chấm 01 điểm; dưới 80%: Chấm điểm 0.</i>					
b	Kết quả chỉ số chuyển đổi số					
	- Chỉ số mức độ dẫn dắt	5				
	- Chỉ số mức độ nâng cao	4				
	- Chỉ số mức độ hình thành	3				
	- Chỉ số mức độ khởi động	2				
	<u>Ghi chú:</u> đối với các đơn vị không thuộc đối tượng đánh giá chỉ số chuyển đổi số, Hội đồng đánh giá căn cứ trên cơ sở chuyển đổi số trong hoạt động của đơn vị (sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành; sử dụng mail công vụ, việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến,...) để chấm điểm cho phù hợp theo khung điểm nêu trên.					
4	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	5				
a	Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	2				
	<i>Không hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan, tổ chức, trừ 01 điểm</i>					

	<i>Kết quả thanh tra, kiểm toán tại cơ quan, tổ chức có sai phạm (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền) hoặc khắc phục không kịp thời kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền, trừ 01 điểm</i>					
b	Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định	2				
	<i>Không thực hiện công tác tiếp công dân theo đúng quy định, trừ 01 điểm</i>					
	<i>Có đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, để khiếu nại vượt cấp mà không giải quyết hoặc có giải quyết nhưng không kịp thời, không thỏa đáng, trừ 01 điểm</i>					
c	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng	1				
	<i>Thiếu một trong các báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, hằng năm, trừ 0,5 điểm; thiếu từ 02 báo cáo trở lên chấm điểm 0</i>					
d	Cơ quan, tổ chức trực tiếp liên quan đến tham ô, tham nhũng, lãng phí và bị xử lý theo quy định của pháp luật trong năm đánh giá, chấm 0 điểm mục này					
III	Kết quả hoạt động nội bộ	30				
1	Công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tinh giản biên chế, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP	10				
a	Quản lý tổ chức bộ máy, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Trung ương và của tỉnh	2				
	<i>Mỗi nội dung thực hiện không đúng quy định, trừ 01 điểm</i>					
b	Quản lý vị trí việc làm, biên chế, thực hiện tinh giản biên chế theo quy định	2				

	<i>Mỗi nội dung thực hiện không đúng quy định hoặc không hoàn thành, trừ 01 điểm</i>					
c	Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, bảo hiểm xã hội, đánh giá, xếp loại và chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP	4				
	<i>Mỗi nội dung thực hiện không đúng quy định hoặc không hoàn thành, trừ 01 điểm</i>					
d	Thực hiện báo cáo theo yêu cầu các nội dung về tổ chức bộ máy, biên chế, tinh giản biên chế, chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/2018/NĐ-CP	2				
	<i>Thiếu 01 báo cáo, trừ 01 điểm</i>					
đ	Cơ quan, đơn vị có công chức bị kỷ luật từ khiển trách trở lên bị trừ 02 điểm. Trường hợp có từ 02 công chức trở lên bị kỷ luật từ khiển trách trở lên, trừ thêm 01 điểm/công chức vi phạm (tuy nhiên, điểm số mục này bảo đảm tối thiểu 0 điểm)					
2	Công tác quản lý tài chính, tài sản	10				
a	Có Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản phù hợp quy định	1				
	<i>Không có quy chế, chấm 0 điểm</i>					
b	Thực hiện thu, chi tài chính đúng quy định	1				
	<i>Có nội dung vi phạm, chấm 0 điểm</i>					
c	Sử dụng kinh phí tiết kiệm đúng quy định, có chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức của cơ quan	3				
	<i>Không có kinh phí tiết kiệm, không chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức của cơ quan, chấm 0 điểm</i>					
d	Thực hiện chế độ nộp báo cáo	4				

d1	Thực hiện chế độ nộp báo cáo quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính (số liệu chính xác, đủ biểu mẫu, đúng thời gian quy định)	2				
	<i>Số liệu chưa chính xác, chưa đủ biểu mẫu, nộp chưa đúng thời gian quy định, trừ 01 điểm</i>					
	<i>Không nộp báo cáo, chấm 0 điểm</i>					
d2	Thực hiện chế độ nộp báo cáo về tài sản: Báo cáo định kỳ, đột xuất, báo cáo tăng, giảm tài sản (số liệu chính xác, đủ biểu mẫu, đúng thời gian quy định)	2				
	<i>Số liệu chưa chính xác, chưa đủ biểu mẫu, nộp chưa đúng thời gian quy định, trừ 01 điểm</i>					
	<i>Không nộp báo cáo, chấm 0 điểm</i>					
đ	Thực hiện công khai tài chính, tài sản theo quy định	1				
	<i>Thực hiện công khai tài chính, tài sản chưa đúng quy định hoặc không thực hiện công khai tài chính, tài sản, chấm 0 điểm</i>					
3	Thực hiện nguyên tắc tổ chức, cơ chế quản lý, nội quy, quy chế, chế độ làm việc	10				
a	Ban hành và thực hiện các quy định về quy chế dân chủ, công tác dân vận	2				
	<i>Không xây dựng Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, trừ 01 điểm</i>					
	<i>Thiếu 01 trong các báo cáo 06 tháng, 01 năm trừ 01 điểm</i>					
	<i>Vi phạm quy chế dân chủ, chấm 0 điểm</i>					
b	Xây dựng và thực hiện các quy định văn hoá công sở	2				
	<i>Không xây dựng Quy chế, trừ 01 điểm</i>					
	<i>Có nội dung vi phạm theo thông báo, kết luận của cơ quan có thẩm quyền, chấm 0 điểm</i>					
c	Hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, phòng chống cháy nổ trong cơ quan	2				

	<i>Có nội dung không hoàn thành, chấm 0 điểm</i>					
d	Xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm của phòng, ban, đơn vị (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc và trực thuộc (quản lý trực tiếp)	3				
	<i>- 100% phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc hoàn thành nhiệm vụ trở lên; trong đó ít nhất 70% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	3				
	<i>- 100% phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc hoàn thành nhiệm vụ trở lên, nhưng có dưới 70% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	2				
	<i>- Từ 70% đến dưới 100% phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc hoàn thành nhiệm vụ trở lên</i>	1				
	<i>- Dưới 70% phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên</i>	0				
	<u>Ghi chú:</u> Đối với những cơ quan, đơn vị không có tổ chức cấu thành được chấm điểm tối đa tiêu chí này					
đ	Hoạt động của các tổ chức đoàn thể thuộc cơ quan, đơn vị	1				
	<i>Có tổ chức xếp loại hoàn thành nhiệm vụ hoặc không hoàn thành nhiệm vụ, chấm 0 điểm</i>					
e	Nội bộ cơ quan, đơn vị mất đoàn kết (có căn cứ cụ thể, rõ ràng), trừ 05 điểm (tuy nhiên, điểm số mục này bảo đảm tối thiểu 0 điểm)					
	Tổng	100				